TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ R
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - A phúc

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02/6/2023
"*V/v yêu cầu không công nhận vợ chồng và nuôi con"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Nhạn
Bà Cao Thị Mỹ Phượng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 464/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55A/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A , sinh năm 1996 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm X, Phường Y, thị xã R , tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Lê Văn B , sinh năm 1993 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm X, Phường Y, thị xã R , tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:* Chị A và anh Lê Văn B (tên gọi khác Nguyễn Văn B) có mối quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Khi kết hôn chị A và anh B sống chung với nhau tại nhà cha mẹ ruột anh B (ấp Z, xã P, thị xã R , tỉnh Bạc Liêu), nhưng được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nên chị bỏ nhà chồng về nhà bà ngoại tại Khóm X, Phường Y, thị xã R , tỉnh Bạc Liêu sinh sống cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân với anh B thì chị có mang thai sau đó sinh hai cháu trai. Chị A yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận chị và anh B là vợ chồng.

Về con chung: Chị A xác định, chị và anh B có 02 người con trai sinh đôi, hiện nay hai cháu chưa được làm giấy khai sinh, từ khi sinh ra cho đến nay cháu sống với anh B , do anh B trực tiếp chăm sóc. Chị A xác định từ khi sinh con cho đến nay chị chưa được thăm con. Đến khoản 29 tết nguyên đán năm 2022 thì chị có yêu cầu Uỷ ban nhân dân xã P, được chính quyền địa phương giải quyết động viên gia đình anh B

cho chị đến thăm con nhưng gia đình anh B không thực hiện, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Văn B trình bày:* Về quan hệ hôn nhân và con chung anh thống nhất lời trình bày của chị A , do vợ chồng chung sống không A phúc, chị A thường xuyên bỏ nhà đi. Mặc dù gia đình anh đã hàn gắn, đồng ý cất nhà cho vợ chồng anh chị sống riêng nhưng chị A vẫn không đồng ý, nay chị A cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị A .

Anh B xác định: Về con chung tôi và chị A có 02 người con trai, đến nay chưa làm giấy khai sanh được, tên gọi ở nhà là Lê Chí Nh, Lê Chí H, chị A khởi kiện yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung anh B không đồng ý. Vì từ khi sinh con ra mới được 04 ngày tuổi còn nằm tại bệnh viện thì chị A đã tự ý bỏ về, không đem con về nuôi, anh B và gia đình anh B đã làm thủ tục xuất viện và đem 2 cháu về chăm sóc cho đến nay, hiện nay cháu đã được 26 tháng tuổi, phát triển bình thường. Từ khi anh B chăm sóc con cho đến nay chị A không có đến thăm con, cũng không phụ cấp nuôi con. Do đó anh B không đồng ý giao con chung cho chị A được trực tiếp chăm sóc.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 14, Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A không công nhận chị A và anh B là vợ chồng. Về con chung: Giao 02 cháu trai theo giấy chứng sinh số 0623 ngày 07/4/2021 cho anh Lê Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R , Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh B là vợ chồng và yêu cầu cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "yêu cầu không công nhận vợ chồng và nuôi con", bị đơn anh Lê Văn B đang cư trú tại ấp Z, xã

P, thị xã R , tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Chị A và anh B thống nhất xác định: Anh chị tự nguyện chung sống như vợ chồng, có tổ chức tiệc cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị A trình bày, sau khi đám cưới chị và anh B sống với nhau tại nhà anh B nhưng được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn với gia đình chồng nên chị bỏ nhà chồng về nhà bà ngoại tại Khóm X, Phường Y, thị xã R , tỉnh Bạc Liêu sinh sống cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân với anh B thì chị có mang thai sau đó sinh ra hai cháu trai. Chị A yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận chị và anh B là vợ chồng. Còn anh B thì xác định, giữa chị A và mẹ chồng thường xuyền xảy ra mâu thuẫn, nhưng gia đình anh đã động viên hàn gắn, đồng ý cất nhà cho anh và chị A ra sống riêng, nhưng chị A không đồng ý mà cương quyết ly hôn, nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị A . Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở không công nhận chị A và anh B là vợ chồng theo quy tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[2.2] Về con chung: Chị A và anh B xác định, trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 02 người con trai sinh đôi, sinh ngày 26/3/2021 hiện nay hai cháu chưa được làm giấy khai sinh, từ khi sinh ra cho đến nay cháu sống với anh B , do anh B trực tiếp chăm sóc.

Chị A xác định từ khi sinh con cho đến nay chị chưa được thăm con. Đến khoản 29 tết nguyên đán năm 2022 thì chị có yêu cầu Uỷ ban nhân dân xã Phong Tân, được chính quyền địa phương giải quyết động viên gia đình anh B cho chị đến thăm con nhưng gia đình anh B không thực hiện, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Còn anh B thì xác định: Khi sinh con được 04 ngày tuổi còn nằm tại bệnh viện thì chị A đã tự ý bỏ về, không đem con về nuôi, anh B và gia đình anh B đã làm thủ tục xuất viện và đem 2 cháu về chăm sóc cho đến nay, hiện nay cháu đã được 26 tháng tuổi, phát triển bình thường. Từ khi anh B chăm sóc con cho đến nay chị A không có đến thăm con, cũng không phụ cấp nuôi con. Do đó anh B không đồng ý giao con chung cho chị A được trực tiếp chăm sóc.

[2.3] Để giải quyết cho chị A hay anh B trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung, thì Hội đồng xét xử xét thấy: Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngan nhau trong việc chăm sóc, giáo dục con chung. Căn cứ: Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*. Trong vụ án này, chỉ vì mâu thuẫn với gia đình chồng, chị A tự ý về bà ngoại chị sinh sống, cũng tại phiên tòa chị A xác định: Khi sinh con tại bệnh viện đa khoa tỉnh Bạc Liêu giữa chị và gia đình chồng chị có xảy ra mâu thuẫn, nên bà ngoại chị cùng chị bỏ về nhà, khi về nhà không mang theo hai con do sức khỏe chị còn yếu. Từ khi bỏ về nhà thì đến 29 tết nguyên đán năm 2022 chị mới đến thăm con nhưng gia

đình anh B không cho, từ đó cho đến nay chị không đến thăm con. Hiện tại chị sống cùng bà ngoại nên không có việc làm, không có tiền để gửi cho anh B nuôi con.

Căn cứ biên bản xác minh trưởng ấp 16B, xã Phong Tân, thị xã R , tỉnh Bạc Liêu bà Nguyễn Thị Bích xác định: *"02 cháu trai được anh B và gia đình anh B trực tiếp chăm sóc từ khi sinh ra cho đến nay, hai cháu phát triển tốt, chính quyền địa phương không ghi nhận sự việc anh B có hành vi bạo hành hai cháu, cũng không ghi nhận sự việc chị A đến thăm con mà gia đình và anh B ngăn cản"*. Tại đơn xác nhận gày 9/1/2023 Ban nhân dân ấp Z và Ủy ban nhân dân xã P, thị xã R xác định *"sau khi nhận hại con từ bệnh viện về thì anh B có trình báo chính quyền địa phương"*.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Con dưới 36 tháng tuổi phải giao cho mẹ trực tiếp nuôi...", nhưng chị A đã không nuôi con từ khi sinh ra cho đến nay. Hiện tại, 02 cháu đã quen với điều kiện, môi trường sống và được anh B nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất; nếu giao 02 cháu cho chị A nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, mà tiếp tục giao 02 cháu cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

[3] Về cấp dưỡng: Chị A và anh B đều không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B đều thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị A , không công nhận chị A và anh B là vợ chồng. Giao 02 người con chung giao cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[8] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị A phải chịu.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điếu 14, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83Luật hôn nhân và gia đình;

- Án lệ số: 54/2022/AL, về xác định quyền nuôi con dưới 36 tháng tuổi trong trường hợp người mẹ không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Nguyễn Thị A và anh Lê Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con 02 người con chung (theo giấy chứng sinh số 0623, ngày 07/4/2021, sinh ngày 26/3/2021) cho anh Lê Văn B được trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện tại 02 cháu đang sống với anh B nên được giữ nguyên.

2.1. Chị Nguyễn Thị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

2.2. Chị Nguyễn Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lê Văn B không yêu cầu.

2.3. Anh Lê Văn B được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm giấy khai sinh cho 02 cháu theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị A , anh Lê Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị Nguyễn Thị A có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số: 0004482, ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã R , tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy